

Số: 200 /BC-SNN

Quảng Trị, ngày 01 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO TỔNG HỢP LẤY Ý KIẾN
Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển
ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Công văn số 262/UBND-NC ngày 20/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc xây dựng văn bản QPPL năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Văn bản 995/SNN-PTNT ngày 03/6/2020 về việc lấy ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị gửi các Sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị trực thuộc Sở tham gia ý kiến. Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả tổng hợp lấy ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Tổ chức lấy ý kiến

Đến hạn nhận văn bản góp ý (lần 1), Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được 22/43 cơ quan, đơn vị tham gia góp ý (*chi tiết đính kèm phụ lục 01*).

2. Tổng hợp nội dung góp ý

2.1. Các vấn đề chung

Hầu hết các đơn vị đều thống nhất với văn bản dự thảo và sự cần thiết phải ban hành Quy định về danh mục, đối tượng và nội dung hỗ trợ cụ thể để làm cơ sở thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nội dung góp ý chi tiết

Có 11 đơn vị đồng ý với Dự thảo, 11 đơn vị có các ý kiến tham gia khác được tổng hợp tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện Dự thảo.

(Chi tiết đính kèm phụ lục 02)

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia Dự thảo lần 1 Quyết định ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, giải trình và gửi các đơn vị có liên quan xem xét và góp ý lần 2 để hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, KH&ĐT, KH&CN, Công thương; LĐ, TB&XH, TN&MT, VH, TT&DL;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ nữ tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- UBND các huyện, TP, TX;
- GD, PGD Sở Trần Thanh Hiền;
- Các đơn vị trực thuộc Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT, CCPTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Hiền

Phụ lục 01: Danh sách các cơ quan, đơn vị góp ý sửa đổi

1. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Trị: Công văn số 367/MTTQ-BTT ngày 17/6/2020;
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Công văn số 888/SKH-KTN ngày 11/6/2020;
3. Sở Tài chính: Công 1862/STC-TCHCSN ngày 12/6/2020;
4. Sở Công thương: Công văn số 800/SCT-QLCN ngày 09/6/2020;
5. Sở Khoa học và Công nghệ: Công văn số 223/SKH-CN-QLCN&SHTT ngày 08/6/2020;
6. Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội: Công văn số 1033/SLĐT BXH-LĐVLATLĐ ngày 09/6/2020
7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Công văn số 566/SVHTTDL-TTr ngày 08/6/2020;
8. Hội LHPN tỉnh: Công văn số 1045/HPN-KTGĐXH ngày 09/6/2020;
9. Liên minh HTX tỉnh: Công văn số 104/CV-LMHTX ngày 9/06/2020;
10. UBND thành phố Đông Hà: Công văn số 1046/UBND-PKT ngày 10/6/2020;
11. UBND thị xã Quảng Trị: Công văn số 605/UBND-KT ngày 09/6/2020;
12. UBND huyện đảo Cồn Cỏ: Công văn số 149/UBND-KTXH ngày 10/6/2020;
13. UBND huyện Hải Lăng: Công văn số 569/UBND-NN ngày 11/6/2020
14. Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản: Công văn số 253/QLN ngày 10/6/2020;
15. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: Công văn số 312/TTBVTV-T.Trọt ngày 08/6/2020;
16. Chi cục Chăn nuôi và Thú y: Công văn số 330/CNTY-CN ngày 08/6/2020;
17. Chi cục Kiểm lâm: Công văn số 334/CCKL-HCTH ngày 08/6/2020;
18. BQL Rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông: Công văn số 82/CV-BQL ngày 08/6/2020;
19. BQL Khu BTTN Đakrông: Công văn số 45/BQL-KH&HTQT ngày 09/6/2020;
20. BQL Cảng cá Quảng Trị: Công văn số 101/BQL-NVHC ngày 10/6/2020;
21. BQL Khu BTTN Bắc Hướng Hóa: Công văn số 37/BQL-KHKT&HTQT ngày 08/6/2020;
22. Trường Trung cấp Nông nghiệp và PTNT: Công văn số 148/BC-TCNN ngày 04/6/2020.

Phụ lục 02: Tổng hợp ý kiến góp ý tham gia Dự thảo lần 1 Quyết định ban hành Quy định về Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Kèm theo Báo cáo số: 200 /BC-SNN ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
I	Về mặt thể thức, bố cục				
1		Tại các khoản của các điều có viện dẫn quy định của Nghị định 52/2018/NĐ-CP, đề nghị cần nêu cụ thể nội dung của các viện dẫn để thuận lợi trong việc tuyên truyền và triển khai thực hiện quy định sau này	Sở Công thương	Tiếp thu	
II	Về Nội dung Quyết định				
	Chương I: Những quy định chung				
1	Điều 2: Đối tượng áp dụng:	Đề nghị thực hiện theo đúng quy định của Điều 2 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ	Sở Tài chính	Tiếp thu	
	Chương II: Công nhận nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống				
1	Tại Điều 6. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề	Đề nghị nên đưa cụ thể các tiêu chí theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.	Chi cục Kiểm lâm	Tiếp thu	

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
	truyền thống				
2	Điều 7. Công nhận/thu hồi nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	Tại khoản 2, điều 7 của bản Dự thảo có nêu “Hàng năm Hội đồng xét công nhận/thu hồi cấp tỉnh tổ chức xét công nhận/thu hồi một lần. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ... công nhận/thu hồi và hoàn chỉnh hồ sơ”. Tuy nhiên chỉ “tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận trong tháng 11 hàng năm”. Không nhắc đến việc xét thu hồi theo quy định tại Khoản 6, Điều 6 của Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018	BQL Khu BTTN Bắc Hưng Hóa	Tiếp thu, chỉnh sửa	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận/thu hồi trong tháng 11 hàng năm”
3	Điều 8. Thành lập Hội đồng xét công nhận	Đề nghị bổ sung Phó chủ tịch Hội đồng để phù hợp với nội dung tại khoản 1, Điều 10	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Tiếp thu, bổ sung	- Bổ sung: Phó chủ tịch Hội đồng là Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn - Đề xuất bổ sung thêm thu ký Hội đồng là cán bộ phụ trách lĩnh vực Ngành nghề nông thôn của Chi cục Phát triển nông thôn
4	Hội đồng xét công nhận	Bổ sung thành “ <i>Thành lập hội đồng xét công nhận/thu hồi</i> ” Khoản 1, điều 8 “ <i>Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chủ tịch Hội đồng</i> ”. Tại điều 21, Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị “ <i>Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận của tỉnh</i> ”. Bổ sung về việc quy định sử dụng con dấu của Sở Nông nghiệp và PTNT trong văn bản	BQL Khu BTTN Bắc Hưng Hóa	Tiếp thu	

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
5		<p>thẩm định của Hội đồng</p> <p>“Điều 8: Thành lập Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống:</p> <p>1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh, đồng thời là cơ quan Thường trực của Hội đồng; chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, chọn những làng nghề có đủ tiêu chuẩn theo Điều 6, Điều 7 của Quy định này tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ra quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.</p> <p>2. Thành phần Hội đồng xét duyệt cấp tỉnh bao gồm:</p> <p>a) Chủ tịch (Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng.</p> <p>b) Giám đốc (Phó Giám đốc) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch Hội đồng.</p> <p>c) Lãnh đạo các Sở: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội: Ủy viên.</p>	Chi cục Kiểm lâm	Tiếp thu một phần	<p>Đưa nội dung: “Hội đồng xét công nhận do Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ra quyết định thành lập” vào Điều 8.</p> <p>Thành phần hội đồng vẫn đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, các thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước lãnh đạo UBND tỉnh về việc đề xuất công nhận hoặc thu hồi. Thành phần Hội đồng chỉ mời các Sở ngành có liên quan trực tiếp đến các tiêu chí công nhận và trực tiếp thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.</p>

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		d) Trưởng hoặc Phó Trưởng ban Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh: Ủy viên. đ) Đại diện Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội thủ công mỹ nghệ (nếu có) và một số tổ chức, cá nhân khác (nếu có): Ủy viên.”			
6	Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng	Bổ sung thêm nhiệm vụ của Hội đồng về việc xét hồ sơ thu hồi. Bổ sung thêm “ <i>Phương thức xét thu hồi bằng công nhận</i> ”	BQL Khu BTTN Bắc Hương Hóa	Tiếp thu	
7	Điều 10. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng	Đề nghị bỏ mục 5, lý do nội dung này đã có ở Điều 8.	Chi cục Kiểm lâm	Chỉnh sửa	Chuyển nội dung: “Hội đồng xét công nhận do Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh ra quyết định thành lập” vào Điều 8.
Chương III: Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn					
1	Vấn đề chung	Đối với một số nội dung đã được quy định hỗ trợ tại các văn bản cấp tỉnh khác (Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh) đề nghị không quy định lại, như: hỗ trợ thuê đất, hỗ trợ đào tạo, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ, hỗ trợ phát triển làng nghề,...	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Tổ soạn thảo đề nghị dẫn lại để quá trình tổ chức thực hiện thuận lợi (liên quan đến đối tượng áp dụng, nội dung hỗ trợ và thanh quyết toán tài chính...)
2		Về nguồn kinh phí hỗ trợ: Đề nghị không tách ra	Sở Kế	Đề xuất	Tại các Điều trong chính sách hỗ trợ quy

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		nguồn kinh phí hỗ trợ theo từng nội dung mà đề nghị quy định nguồn kinh phí chung cho tất cả các nội dung hỗ trợ.	hoạch và Đầu tư	giữ nguyên như dự thảo	định tại ND 52/2018/ND-CP cũng dẫn rõ các nguồn vốn theo từng nội dung hỗ trợ, như vậy sẽ dễ thực hiện hơn.
3		Cần quy định cụ thể chính sách được hưởng từ nguồn ngân sách tỉnh; các chính sách thụ hưởng từ nguồn khác có thể chỉ dẫn bằng văn bản để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng tiếp cận.	Liên minh HTX tỉnh	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo	Hiện nay, đối tượng ngành nghề nông thôn được hỗ trợ, chế độ thanh quyết toán từ nhiều nguồn vốn khác nhau, liên quan đến nội dung nào, bộ phận soạn thảo đã chỉ dẫn nguồn hỗ trợ thực hiện.
4	Điều 11. Mặt bằng sản xuất	Tại Điều 11 đề nghị bỏ nội dung: “được hưởng chính sách về thuế đất theo quy định tại Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 21/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị”. Mức hỗ trợ tại điểm 3.2 Điều 11, đề nghị nghiên cứu phù hợp quy định chính sách khuyến công của nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Sở Tài chính	Tiếp thu, chỉnh sửa	3. Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư có cam kết di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Nếu cơ sở không sử dụng nguồn vốn vay để thực hiện di dời thì mức hỗ trợ tối đa 30% kinh phí để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở. (Theo đề xuất của Sở Công thương tại dự thảo NQ sửa đổi, bổ sung

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
					NQ 09/2014/NQ-HĐND)
5		Tại khoản 3 Điều 11: Nội dung này đã quy định rõ trong dự thảo của Nghị quyết HĐND tỉnh. Đề nghị nghiên cứu xem xét không đưa các cơ sở công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp vào nội dung di dời để tránh trùng lặp chính sách khi thực hiện	Sở Công thương	Tiếp thu, lưu ý nội dung này trong quá trình thực hiện	Đơn vị chủ trì thực hiện nội dung này có trách nhiệm rà soát, kiểm tra trước hỗ trợ tránh chồng chéo theo quy định.
6		Tại điểm 3.4 Khoản 3 Điều 11: đề nghị bỏ nội dung này vì nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn khuyến công tỉnh đã được ngân sách phân bổ hàng năm theo quy định của Nghị quyết HĐND tỉnh	Sở Công thương		Đề nghị giữ nguyên vì nội dung áp dụng theo NQ Khuyến công và đề xuất nguồn vốn từ khuyến công do ngân sách tỉnh cấp hàng năm.
7		Tại tiểu mục 3.2, mục 3 Điều 11: Không nên quy định chính sách hỗ trợ theo loại hình doanh nghiệp mà nên nghiên cứu quy định mức độ hỗ trợ theo quy mô, diện tích hoặc giá trị truyền thống của ngành đó để khuyến khích các mô hình kinh tế nhỏ phát triển.	Liên minh HTX tỉnh	Chỉnh sửa	Thống nhất sửa lại theo góp ý của Sở Tài chính Đối với đề xuất của Liên minh HTX tỉnh hiện nay chưa có quy định liên quan đến mức độ hỗ trợ theo quy mô, diện tích hoặc giá trị truyền thống, mặt khác theo đề xuất này, một số quy định mang tính định tính như giá trị truyền thống sẽ rất khó thực hiện.

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
8		Tại tiêu mục 3.3, mục 3 Điều 11: Nguồn kinh phí đề nghị phải bố trí riêng, không thể lấy từ nguồn này hay nguồn khác, Đề nghị quy cụ thể: Ngân sách tỉnh bố trí hàng năm từ nguồn vốn sự nghiệp của tỉnh.	Liên minh HTX tỉnh		Nguồn vốn thực hiện nội dung này từ nguồn khuyến công.
9	Điều 12. Về đầu tư, tín dụng	Tại điều 12 Quy định về tín dụng đầu tư, dự thảo giao UBND cấp huyện quy định mức hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ lãi suất; nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp huyện và các nguồn hợp pháp khác. Do đó đề nghị không đưa vào nội dung dự thảo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đề xuất giữ nguyên như dự thảo và có bổ sung một số nội dung	<p>Hàng năm, các nguồn vốn hỗ trợ cho phát triển sản xuất, bao gồm vốn các chương trình 30a, 135, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nguồn sự nghiệp kinh tế của tỉnh, <u>nguồn khuyến công...</u> ước từ 15- 20 tỷ đồng/năm; đây là nguồn vốn quan trọng để thúc đẩy phát triển sản xuất ở nông thôn. Ngoài ra, các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp-nông thôn trên địa bàn tỉnh thời gian qua cũng được hỗ trợ theo Nghị định 57/2018 của Chính phủ, tuy nhiên con số doanh nghiệp được tiếp cận và hỗ trợ từ chính sách này rất khiêm tốn (<i>có 4 doanh nghiệp được tiếp cận vốn</i>).</p> <p>Mặt khác đối tượng được áp dụng theo điều 2 Quy định này chủ yếu là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, cơ sở</p>

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
					<p>sản xuất...để được tiếp cận với dòng vốn hỗ trợ trực tiếp từ các chính sách trên khó và rất ít chủ cơ sở được tiếp cận (<i>giai đoạn 2015-2020 toàn tỉnh hỗ trợ 1.500 triệu đồng/ 16 cơ sở ngành nghề nông thôn</i>).</p> <p>Vì vậy, để tạo điều kiện cho các đối tượng theo điều 2 Quy định này được chủ động nguồn vốn đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị, mua nguyên vật liệu...thì phương án khả thi và đem lại hiệu quả cao nhất là để cho các chủ cơ sở chủ động tìm kiếm nguồn vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại, nhà nước đồng vai trò khuyến khích hỗ trợ một phần kinh phí là khả thi nhất.</p> <p>Để thực hiện được nội dung này, thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã triển khai chính sách cấp bù lãi suất tiền vay cho người dân rất hiệu quả như: Nghị quyết 02/2019/NQ- HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh, Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị). Với lãi suất tạm tính khoảng 6-8%/năm, giả sử nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất/năm, 1 năm ngân sách chi hỗ trợ</p>

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
					1 tỷ đồng thì chủ cơ sở vay được 25 tỷ đồng, bình quân toàn tỉnh một năm hỗ trợ 4-5 tỷ đồng cấp bù lãi suất tiền vay thì các doanh nghiệp vay được 100- 125 tỷ đồng.
10		Điều 12 Đề Nghị Thực hiện theo đúng Quy Định của Điều 8 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ	Sở Tài chính	Tiếp thu	Thống nhất sửa đổi Điều 12 của dự thảo theo góp ý của Sở Tài chính tỉnh.
11		Tại Khoản 3 Điều 12: Đối với Chương trình Khuyến công, chương trình xúc tiến thương mại tỉnh, nguồn kinh phí phân bổ để thực hiện hàng năm được thực hiện theo Chương trình, kế hoạch trong năm tài khóa, vì vậy, đối với quy định tại chính sách này cần quy định cụ thể các nội dung triển khai thực hiện để tránh chồng chéo trong nội dung triển khai thực hiện.	Sở Công thương		Tại điều 12 của dự thảo không có khoản 3. Trường hợp là khoản 3 điều 13, tổ soạn thảo đề nghị giữ nguyên dự thảo.
12		Tại Điều 12: Giao cho UBND cấp huyện hỗ trợ lãi suất ưu đãi để mua thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất, xử lý môi trường là không phù hợp. Tại các quy định về khuyến công cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện có chương trình hỗ trợ một phần kinh phí để mua sắm máy móc, thiết bị, xử lý môi trường để nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng mô hình nếu đưa quy định này vào không	Sở Công thương		Căn cứ khoản 2, 4, Điều 12 Nghị định 52/2018/NĐ-CP thì ngoài các nội dung quy định

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		thực hiện được.			
13		<p>Tại mục 2, Điều 12:</p> <p>Điểm a: Hỗ trợ bù lãi suất cần quy định cụ thể lãi suất được hỗ trợ</p> <p>Điểm b: Nghiên cứu lại thẩm quyền của UBND huyện có đảm bảo đủ điều kiện để quy định định mức hỗ trợ và thời hạn hỗ trợ lãi suất. đề nghị quy định rõ trong văn bản.</p>	Liên minh HTX tỉnh		Đề xuất giữ nguyên dự thảo, theo giải trình với Sở Kế hoạch và Đầu tư
14		<p>Tại điểm b, Khoản 2 Điều 12. Định mức hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ lãi suất: Giao UBND cấp huyện quy định cụ thể: Đề nghị xem lại điểm này. Lý do: tại Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị đã quy định định mức hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ đối với từng dự án được vay. Vì vậy, đối với UBND cấp huyện chỉ áp dụng chứ không quy định định mức, thời hạn hỗ trợ.</p>	UBND thị xã Quảng Trị		Đề xuất giữ nguyên dự thảo, theo giải trình với Sở Kế hoạch và Đầu tư
15		<p>Tại Điều 12 về đầu tư tín dụng: đề nghị rà soát lại căn cứ Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất, vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông</p>	Chi cục Trồng trọt và BVTV		Đối với các văn bản trích dân đã quy định rõ tại khoản 3 điều 31 dự thảo lần 1.

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015 – 2020. Văn bản sẽ hết hiệu lực vào năm 2020.			
16		Mục 2: Đề nghị bỏ phần chú thích và sửa lại như sau: “2. Ngoài ra các cơ sở ngành nghề nông thôn có dự án phát triển sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ cấp bù lãi suất tiền vay từ ngân sách địa phương. Việc hỗ trợ cấp bù lãi suất tiền vay từ ngân sách địa phương thực hiện theo Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh và Quyết định 21/2015/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị v/v Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.”	Chi cục Kiểm lâm		Đề xuất giữ nguyên dự thảo, theo giải trình với Sở Kế hoạch và Đầu tư Phần chú thích chỉ nếu trong dự thảo lần 1 để các đơn vị rõ nội dung, dự thảo lần 2 sẽ bỏ.
17		Đề nghị nêu cụ thể các quy định về nội dung áp dụng và mức hỗ trợ.	Chi cục Kiểm lâm	Tiếp thu	Ghi chi tiết theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 9 NĐ số 52/2018/NĐ-CP
18	Điều 13. Xúc tiến thương mại	Điểm 2, Điều 13 đề nghị bổ sung nội dung: “Đối với chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/1 cơ sở”	Sở Tài chính	Tiếp thu	

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
19	Điều 14. Khoa học công nghệ	Tại điều 14: Chính sửa “ <i>Nghị Quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2017</i> ”. Bổ sung thêm chế độ ưu tiên khi ứng dụng khoa học công nghệ theo Điều 10 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018	BQL Khu BTTN Bắc Hưng Hóa	Chính sửa	Sửa lại như sau: NQ số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017
20		Điểm 1, Điều 15 đề nghị bổ sung nội dung: “và các văn bản liên quan chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn”	Sở Tài chính	Tiếp thu	
21	Điều 15. Đào tạo nhân lực	Đề nghị bổ sung tại khoản 1 điều 15 của dự thảo Quy định: Các cơ sở ngành nghề nông thôn và làng nghề trực tiếp mở lớp truyền nghề: Áp dụng thực hiện theo Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về ban hành danh mục, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. <i>Đối với các ngành nghề không quy định tại Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 16/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị thì áp dụng theo các văn bản pháp luật liên quan khác nếu có. Hàng năm, rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề của lao động nông thôn theo từng nghề và cấp trình độ đào tạo; mức chi phí đào tạo đối với từng nghề để đề xuất UBND tỉnh phê duyệt lại cho phù</i>	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Tiếp thu	

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		<i>hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành, lĩnh vực và giảm nghèo bền vững.</i>			
22	Điều 16. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn	Điểm 3, Điều 16 đề nghị sửa 300 triệu đồng/dự án thành 200 triệu đồng/dự án	Sở Tài chính	Tiếp thu	
Chương IV: Chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống					
1	Điều 17. Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề	Đề nghị nêu nội dung cụ thể thực hiện.	Chi cục Kiểm lâm	Tiếp thu	
2	Điều 18. Hỗ trợ phát triển làng nghề	Định mức hỗ trợ tại điểm 2, Điều 18 đề nghị sửa lại: “Căn cứ khả năng ngân sách địa phương và nội dung hỗ trợ cụ thể trong dự án, UBND tỉnh Quyết định mức hỗ trợ đầu tư theo quy định của Luật đầu tư công	Sở Tài chính	Tiếp thu	
3		Định mức hỗ trợ tại điểm 3, Điều 18 đề nghị sửa lại: “Các địa phương tổng hợp dự án đầu tư hàng	Sở Tài chính	Tiếp thu, bổ	Cần quy định rõ. Đề nghị bổ sung thêm vào điểm 3.

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
		năm đề xuất UBND tỉnh bố trí nguồn vốn theo quy định của Luật đầu tư công và khả năng ngân sách địa phương		sung	
4		Đề nghị bỏ điểm 4, Điều 18, vì không có quy định	Sở Tài chính		Đề xuất mới, đã có quy định tại QĐ 36/2019/QĐ-UBND
Chương V: Chính sách hỗ trợ cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm					
1	Vấn đề chung	Nội dung đề xuất nhỏ, manh mún, đối tượng hỗ trợ nhiều, mặt khác các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP có các nội dung hỗ trợ khác như: hỗ trợ thực hiện Chương trình OCOP, hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ ngành nghề nông thôn,... do đó: đề nghị không hỗ trợ các nội dung quy định tại chương V	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp thu	Đề xuất tham mưu đề án Phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2021 – 2025.
2		Đề nghị bỏ chương V, vì Quyết định 490/QĐ-TTg chỉ phê duyệt giai đoạn 2018 - 2020	Sở Tài chính	Tiếp thu	
3	Điều 19: Đối tượng, phạm vi áp dụng:	Đề nghị bỏ Điều 19 và bổ sung nội dung tại Điều này vào Điều 2.	Chi cục Kiểm lâm		Đã bỏ Chương V theo đề nghị của Sở KH và ĐT, Sở Tài chính
4	Điều 20: Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề	Tại Mục 2: Đề nghị bỏ phần chú thích.	Chi cục Kiểm lâm		Đã bỏ Chương V theo đề nghị của Sở KH và ĐT, Sở Tài chính
5	nông thôn có	Tại điểm a, b khoản 2, Điều 20: Đề nghị nâng định	UBND thị		Đã bỏ Chương V theo đề nghị của Sở

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
	sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	mức hỗ trợ khen thưởng cho các sản phẩm được tỉnh công nhận sản phẩm OCOP như sau: Sản phẩm đạt 3 sao: 5.000.000 đồng; sản phẩm đạt 4 sao: 10.000.000 đồng; sản phẩm đạt 5 sao: 20.000.000 đồng. Lý do: Để tạo động lực và khuyến khích cho các chủ thể tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn.	xã Quảng Trị		KH và ĐT, Sở Tài chính
Chương VI: Tổ chức thực hiện					
1	Điều 22. Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị sửa lại là: Trên cơ sở kế hoạch vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các Chương trình khác có liên quan được phân bổ hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở tài chính, Sở nông nghiệp và PTNT và các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tiếp thu	
2	Điều 24. Sở Công thương.	Tại Khoản 3 Điều 24 (Sở Công thương): Đề nghị sửa đổi, bổ sung thành: Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ đưa các sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP vào các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, chuỗi bán lẻ thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại.	Sở Công thương	Tiếp thu	
3	Điều 29. Ủy	Tại điều 29: Bổ sung UBND cấp huyện “ <i>lập hồ sơ</i>	BQL Khu	Tiếp	Bổ sung vào khoản 4 điều này nội dung:

STT	Vấn đề	Nội dung góp ý	Cơ quan, đơn vị	Tiếp thu/ Không tiếp thu	Giải trình
	ban nhân dân cấp huyện.	<p><i>đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo tiêu chí quy định tại Điều 5 Nghị định này trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét công nhận”</i> theo quy định tại điểm a, khoản 4, điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018</p> <p>Và “<i>Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống”</i> theo quy định tại khoản 6, điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018</p>	BTTN Bắc Hương Hóa	thu, bổ sung một phần	Hàng năm lập hồ sơ đề nghị Công nhận/thu hồi.